TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ MỚI** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án:122/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 28/4/2023
V/v tranh chấp *"Ly hôn, nuôi con chung"*.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Huy Phong

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Văn Tâm
2. Bà Phan Thị Nga

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Tường Vi

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang: *không tham gia.*

Ngày 28 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 59/2023/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 02 năm 2023 về việc tranh chấp *"Ly hôn, nuôi con chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 174/2023/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 3 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 211/2023/QĐST- HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị T.T, sinh năm 1977; địa chỉ: ấp N.L, xã N.M, huyện C, tỉnh An Giang, (có đơn xin vắng mặt).

Bị đơn: Anh Phan Thanh B, sinh năm 1977; địa chỉ: ấp N.L, xã N.M, huyện C, tỉnh An Giang, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện đề ngày 31/10/2022, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Trần Thị T.T trình bày: chị và anh B quen biết, tìm hiểu và đi đến hôn nhân vào năm 2009, vợ chồng có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo quy định tại Ủy ban nhân dân xã N.M, huyện C, tỉnh An Giang. Thời gian chung

sống được khoảng cuối năm 2022 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, do không tôn trọng, bất đồng quan điểm thường xuyên mâu thuẫn, kể từ đó phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn, sống ly thân từ thời điểm đó cho đến nay. Nhận thấy tình cảm không còn, nay tôi yêu cầu ly hôn với anh B.

- Về con chung: Có con chung tên Trần Phú K, sinh ngày 24/4/2009; sau khi ly hôn chị Trần Thị T.T yêu cầu tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh Phan Thanh B phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về sản chung và nợ chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp: Bản sao Giấy khai sinh con chung; đơn khởi kiện, Tờ tự khai của chị T; giấy chứng nhận ĐKKH số 166 ngày 02/11/2020 (bản chính);

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành mở phiên họp hòa giải để động viên các bên có thể giải quyết các bất đồng quan điểm, hàn gắn đoàn tụ với nhau nhưng cả hai lần bị đơn đều vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, chị T có đơn xin xử vắng mặt, vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với anh B, chị có ý kiến, yêu cầu tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con; anh B vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến. Các bên không thống nhất được với nhau về việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp: Chị T khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh B, yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chưa thành niên, được xác định là tranh chấp *"Ly hôn, nuôi con chung"* quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[1.2] Về thẩm quyền: Bị đơn Phan Thanh B có nơi cư trú tại địa bàn huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang theo quy định tại các Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

[2.1] Về tính hợp pháp: Chị T, anh B quen biết, trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu và tiến đến hôn nhân, không ai lừa dối hay ép buộc, cả hai có đăng ký kết hôn

theo quy định pháp luật thuộc trường hợp hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận, bảo vệ.

[2.2] Về tình trạng hôn nhân: Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc đến cuối năm 2022 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày thường xuyên cự cãi, không tìm được tiếng nói chung, không tôn trọng nhau, thường xảy ra bất hòa không thể giải quyết, cả hai đã tìm cách hàn gắn nhưng không được và đã ly thân từ đó đến nay. Nay, chị T yêu cầu ly hôn với anh B, chị xác định không còn tình cảm với anh B và kiên quyết xin được ly hôn.

Với những căn cứ trên, có cơ sở xác định hôn nhân giữa chị T, anh B phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên chấp nhận yêu cầu của chị T xin ly hôn với anh B theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: vợ chồng có con chung Trần Phú K, sinh ngày 24/4/2009; thời điểm vợ chồng ly thân, cháu sống cùng chị T cho đến nay. Sau khi ly hôn chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cháu K, chị không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con. Đánh giá việc giao con cho vợ hoặc chồng chăm sóc, nuôi dưỡng cần xem xét đến nhiều yếu tố, điều kiện phát triển về mọi mặt, tạo tâm lý ổn định cho cháu K. Từ khi vợ chồng ly thân, cháu K sống cùng chị T phát triển bình thường về thể chất, tinh thần; cháu có văn bản trình bày ý kiến được sống cùng mẹ, để đảm bảo cuộc sống cho cháu nên giao cho chị T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành. Chị T không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con, không đề cập.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu, nên không đề cập;

[5] Về án phí: Chị T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật Tố tụng dân sự. Anh B không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Các Điều 144, 147, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1.Về hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị T.T. Cho chị Trần Thị T.T được ly hôn với Phan Thanh B.

Giấy chứng nhận kết hôn số 166 do Ủy ban nhân dân xã N.M, huyện C, tỉnh An Giang, cấp ngày 02 tháng 11 năm 2020 cho chị Trần Thị T.T với anh Phan Thanh B, không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Phú K, sinh ngày 24/4/2009 cho chị Trần Thị T.T được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc đến tuổi trưởng thành. Anh Phan Thanh B không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Trần Thị T.T cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh Phan Thanh B trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cháu Trần Phú K, sinh ngày 24/4/2009.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3. Về tài sản chung, nợ chung: không đề cập giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trần Thị T.T với anh Phan Thanh B phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, khấu trừ số tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0013211 ngày 02 tháng 02 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh An Giang; chị T đã nộp xong.

Anh Phan Thanh B không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Chị Trần Thị T.T, anh Phan Thanh B được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết bản án để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Ủy ban nhân dân N.M, huyện C, tỉnh An Giang;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hà Huy Phong